

Số: ~~530~~ /VĐ-KD

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2026

V/v yêu cầu báo giá hóa chất, vật tư tiêu hao
phục vụ xét nghiệm vi sinh

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung cấp hóa chất với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, số điện thoại 024.38.253.531/số máy lẻ 5106 (hoặc liên hệ DS. Phạm Ngọc Hoa Linh (SĐT 0971865055).

3. Bệnh viện tiếp nhận báo giá đồng thời theo 2 hình thức:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng 307, Tầng 3, nhà A3 - Khoa Dược, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức - Số 40 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Nhận qua email: vietduchospitalmuasam@gmail.com (đơn vị cung cấp báo giá phải ghi rõ số hiệu văn bản Yêu cầu báo giá trong nội dung email).

(Lưu ý: Các đơn vị phải gửi báo giá đồng thời theo 2 hình thức nêu trên)

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 06 tháng 08 năm 2026 đến trước 17h ngày 17 tháng 08 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 17 tháng 08 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục mặt hàng yêu cầu báo giá: Như Phụ lục đính kèm
- Địa điểm cung cấp: tại Kho hóa chất, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
- Thời gian giao hàng dự kiến: giao hàng thành nhiều đợt trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Tạm ứng: Không áp dụng
 - Phương thức thanh toán: Qua ủy nhiệm chi của kho bạc Nhà nước, 90 ngày kể từ ngày bên bán cung cấp đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ (Hóa đơn, các chứng từ khác theo quy định hiện hành của kho bạc nhà nước).
- Các thông tin khác:

- Đăng ký kinh doanh; Tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế căn cứ theo Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP và Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.
 - Số điện thoại/ Email của đại diện đơn vị báo giá trong trường hợp Bệnh viện cần liên lạc.
 - Bảng chào giá (theo mẫu đính kèm tại phụ lục 01 của công văn này);
 - Niêm yết giá (nếu có);
 - Catalog, hợp đồng tương tự (nếu có), cấu hình và tính năng kỹ thuật của vật tư và các tài liệu khác liên quan;
 - Lưu ý: Yêu cầu quý công ty cung cấp thông tin đơn giá của các mặt hàng trong nội dung báo giá của mình trong trường hợp bệnh viện cần thay đổi số lượng cần mua sắm.
- Rất mong nhận được sự tham gia của các đơn vị cung cấp thiết bị y tế

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC



Đương Đức Hùng

PHỤ LỤC

(Đính kèm Công văn số 5230 /VĐ-KD ngày 06 tháng 08 năm 2026)

STT	Tên hóa chất vật tư	Yêu cầu kỹ thuật (hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, kích thước, đặc tính, tiêu chuẩn)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Imipenem 10µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh có nồng độ nhất định cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Khoanh/ Đĩa	6.000
2	Piperacillin/Tazobactam 110µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh có nồng độ nhất định cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Khoanh/ Đĩa	6.000
3	Cefoxitin 30µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh có nồng độ nhất định cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Khoanh/ Đĩa	1.250
4	Norfloxacin 10µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh có nồng độ nhất định cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Khoanh/ Đĩa	1.500
5	Novobiocin 5µg	Khoanh đĩa giấy kháng sinh có nồng độ nhất định cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Khoanh/ Đĩa	100
6	Khoanh giấy tẩm yếu tố tăng trưởng V	Khoanh giấy tẩm yếu tố tăng trưởng V (coenzyme I) để phân biệt nhóm vi khuẩn Haemophilus	Khoanh/ Đĩa	100
7	Khoanh giấy tẩm yếu tố tăng trưởng X và V	Khoanh giấy tẩm yếu tố tăng trưởng X (haemin) và V (coenzyme I) để phân biệt nhóm vi khuẩn Haemophilus	Khoanh/ Đĩa	100
8	Khoanh giấy tẩm yếu tố tăng trưởng X	Khoanh giấy tẩm yếu tố tăng trưởng X (haemin) để phân biệt nhóm vi khuẩn Haemophilus	Khoanh/ Đĩa	100
9	Tetracycline 0.016-256mcg	Thanh kháng sinh có dải nồng độ theo bậc cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Thanh/ Test	60
10	Linezolid 0.016- 256mcg	Thanh kháng sinh có dải nồng độ theo bậc cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Thanh/ Test	60
11	Doxycycline 0.016-256mcg	Thanh kháng sinh có dải nồng độ theo bậc cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Thanh/ Test	60
12	Doripenem 0.002-32mcg	Thanh kháng sinh có dải nồng độ theo bậc cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Thanh/ Test	30
13	Fosfomycin 0.064-1024mcg	Thanh kháng sinh có dải nồng độ theo bậc cho thử nghiệm kháng sinh đồ	Thanh/ Test	30

STT	Tên hóa chất vật tư	Yêu cầu kỹ thuật (hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, kích thước, đặc tính, tiêu chuẩn)	Đơn vị tính	Số lượng
14	Môi trường canh thang bổ sung Brucella cho vi khuẩn kỵ khí để làm kháng sinh đồ	Môi trường canh thang bổ sung Brucella cho vi khuẩn kỵ khí phát triển	Ổng	400
15	Canh thang Mueller-Hilton có điều chỉnh cation và bổ sung TES cho thử nghiệm kháng sinh đồ vi khuẩn	Môi trường canh thang Mueller Hinton có điều chỉnh cation và bổ sung đệm TES	Ổng	2.200
16	Dung dịch pha loãng đờm	Dung dịch hoá chất có chứa NALC (N-Acetyl-L-Cysteine) dùng để xử lý tan đờm và tạt nhiễm trong mẫu bệnh phẩm	ml	10.000
17	Chất bổ trợ cho môi trường nuôi cấy vi khuẩn Haemophilus spp.	Chất bổ trợ cho môi trường nuôi cấy Haemophilus có chứa kháng sinh Bacitracin, Vancomycin, Clindamycin	Ổng	10
18	Dung dịch bổ trợ cho môi trường nuôi cấy vi khuẩn kỵ khí	Dung dịch có thành phần chứa: Hemin, Sodium Hydroxide, Phytomenadione (Vitamin K1), Ethyl Alcohol	ml	1.000
19	Túi tạo khí trường kỵ khí	Túi tạo khí trường kỵ khí dùng với hộp ủ, thành phần gồm than hoạt, natri ascorbate, chất hữu cơ và vô cơ khác chứa trong túi nhôm	Túi	500
20	Túi tạo môi trường phù hợp cho nuôi cấy vi khuẩn Heamophilus spp, Neisseria spp, Campylobacter spp, Helicobacter spp.	Hoá chất tạo khí trường trong nuôi cấy định danh vi khuẩn	Túi	10
21	Chất bổ trợ cho môi trường nuôi cấy vi khuẩn Campylobacter spp.	Thuốc thử sinh hóa dùng trong nuôi cấy định danh vi khuẩn Campylobacter spp.	Ổng	10
22	Viên khử mùi nồi hấp	Viên hoá chất khử mùi lò hấp ẩm đóng hộp sẵn	Viên	2.400
23	Chỉ thị nha bào nồi hấp	Ổng chứa Nha bào dùng kiểm tra chất lượng lò hấp ẩm	Ổng	200
24	Chỉ thị hóa học cho nồi hấp ẩm	Chỉ thị hóa học dùng để kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn của dụng cụ qua sự biến đổi màu sắc của vạch màu chỉ thị trên que thử.	Cái	100
25	Chủng chuẩn Escherichia coli ATCC 25922	Chủng chuẩn vi khuẩn Escherichia coli ATCC 25922 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
26	Chủng chuẩn Escherichia coli ATCC 35218	Chủng chuẩn vi khuẩn Escherichia coli ATCC 35218 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
27	Chủng chuẩn Escherichia coli CCUG 58543	Chủng chuẩn vi khuẩn Escherichia coli CCUG 58543 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
28	Chủng chuẩn Escherichia coli CCUG 62975	Chủng chuẩn vi khuẩn Escherichia coli CCUG 62975 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
29	Chủng chuẩn Klebsiella pneumoniae ATCC 700603	Chủng chuẩn vi khuẩn Klebsiella pneumoniae ATCC 700603 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5

STT	Tên hóa chất vật tư	Yêu cầu kỹ thuật (hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, kích thước, đặc tính, tiêu chuẩn)	Đơn vị tính	Số lượng
30	Chủng chuẩn Klebsiella pneumoniae CCUG 58545	Chủng chuẩn vi khuẩn Klebsiella pneumoniae CCUG 58545 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
31	Chủng chuẩn Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853	Chủng chuẩn vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
32	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC 25923	Chủng chuẩn vi khuẩn Staphylococcus aureus ATCC 25923 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
33	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC 29213	Chủng chuẩn vi khuẩn Staphylococcus aureus ATCC 29213 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
34	Chủng chuẩn Enterococcus faecalis ATCC 29212	Chủng chuẩn vi khuẩn Enterococcus faecalis ATCC 29212 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
35	Chủng chuẩn Streptococcus pneumoniae ATCC 49619	Chủng chuẩn vi khuẩn Streptococcus pneumoniae ATCC 49619 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
36	Chủng chuẩn Bacteroides fragilis ATCC 25285	Chủng chuẩn vi khuẩn Bacteroides fragilis ATCC 25285 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
37	Chủng chuẩn Clostridium septicum ATCC 12464	Chủng chuẩn vi khuẩn Clostridium septicum ATCC 12464 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
38	Chủng chuẩn Clostridium perfringens ATCC 13124	Chủng chuẩn vi khuẩn Clostridium perfringens ATCC 13124 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
39	Chủng chuẩn Clostridium difficile ATCC 700057	Chủng chuẩn vi khuẩn Clostridium difficile ATCC 700057 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
40	Chủng chuẩn Haemophilus influenzae ATCC 49247	Chủng chuẩn vi khuẩn Haemophilus influenzae ATCC 49247 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
41	Chủng chuẩn Haemophilus influenzae ATCC 49766	Chủng chuẩn vi khuẩn Haemophilus influenzae ATCC 49766 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
42	Chủng chuẩn Candida glabrata ATCC 2001	Chủng chuẩn vi nấm Candida glabrata ATCC 2001 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
43	Chủng chuẩn Candida glabrata ATCC 66032	Chủng chuẩn vi nấm Candida glabrata ATCC 66032 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
44	Chủng chuẩn Candida parapsilosis ATCC 22019	Chủng chuẩn vi nấm Candida parapsilosis ATCC 22019 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
45	Chủng chuẩn Candida tropicalis ATCC 750	Chủng chuẩn vi nấm Candida tropicalis ATCC 750 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
46	Chủng chuẩn Issatchenkia orientalis ATCC 6258	Chủng chuẩn vi nấm Issatchenkia orientalis ATCC 6258 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
47	Chủng chuẩn Aspergillus fumigatus ATCC 204305	Chủng chuẩn vi nấm Aspergillus fumigatus ATCC 204305 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
48	Chủng chuẩn Aspergillus flavus ATCC 204304	Chủng chuẩn vi nấm Aspergillus flavus ATCC 204304 dùng cho nội kiểm chất lượng xét nghiệm	Que/ Loops/ Viên	5
49	Máu cừu	Máu cừu đóng gói, đóng chai vô trùng	ml	3.000

STT	Tên hóa chất vật tư	Yêu cầu kỹ thuật (hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, kích thước, đặc tính, tiêu chuẩn)	Đơn vị tính	Số lượng
50	Môi trường thạch bột Columbia agar base	Bột khô đóng hộp sẵn để sản xuất Môi trường Columbia agar base dùng để nuôi cấy các vi khuẩn khó mọc cần nhiều chất dinh dưỡng.	Gam	15.000
51	Môi trường thạch bột Macconkey agar	Bột khô đóng hộp sẵn để sản xuất Môi trường Macconkey agar dùng để nuôi cấy các vi khuẩn dễ mọc, vi khuẩn đường ruột.	Gam	15.000
52	Môi trường thạch bột Sabouraud Chloramphenicol Agar cho nuôi cấy nấm	Bột khô đóng hộp sẵn để sản xuất Môi trường Sabouraud Chloramphenicol Agar cho nuôi cấy nấm.	Gam	1.000
53	Môi trường nuôi cấy canh thang Nutrient Broth	Bột khô đóng hộp sẵn để sản xuất Môi trường Nutrient Broth dùng để cấy phân lập vi khuẩn dễ mọc.	Gam	3.000
54	Môi trường thạch bột Mannitol Salt Agar	Bột khô đóng hộp sẵn để sản xuất Môi trường Mannitol Salt Agar dùng để xác định tính chất của vi khuẩn Staphylococcus.	Gam	2.000
55	Môi trường thạch bột Bile Esculin Agar	Bột khô đóng hộp sẵn để sản xuất Môi trường thạch Bile Esculin Agar cho nuôi cấy định danh	Gam	1.000
56	Môi trường thạch bột Pseudomonas aeruginosa Agar	Bột khô đóng hộp sẵn để sản xuất Môi trường thạch Pseudomonas aeruginosa Agar cho nuôi cấy định danh	Gam	1.000
57	Môi trường thạch bột Simmons Citrate Agar	Bột khô đóng hộp sẵn để sản xuất Môi trường thạch dùng phân biệt Enterobacteriaceae dựa trên việc sử dụng citrate trong quá trình phát triển.	Gam	1.000
58	Hóa chất Urea	Hóa chất vô cơ Ure tinh thể đóng hộp	Gam	1.000
59	Môi trường thạch bột để nuôi cấy chọn lọc vi khuẩn tả, thạch bột TCBS agar	Bột khô đóng hộp sẵn để sản xuất Môi trường TCBS Agar nuôi cấy chọn lọc vi khuẩn V. cholerae, V.parahaemolyticus từ các mẫu bệnh phẩm phân.	Gam	500
60	Môi trường thạch bột để phân lập bệnh đường ruột Salmonella & Shigella	Bột khô đóng hộp sẵn để sản xuất Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt dùng để phân lập Salmonella và Shigella từ bệnh phẩm lâm sàng.	Gam	500
61	Môi trường thạch bột cho nuôi cấy chọn lọc cho phân lập Campylobacter	Bột khô đóng hộp sẵn để sản xuất Môi trường chọn lọc cho phân lập Campylobacter spp từ các mẫu bệnh phẩm lâm sàng.	Gam	500
62	Môi trường bột nuôi cấy Lysine Decarboxylase Broth	Bột khô đóng hộp sẵn để sản xuất Môi trường Lysine Decarboxylase Broth (LDC) là một loại môi trường lỏng để xác định khả năng khử carboxyl của axit amin Lysine ở vi khuẩn.	Gam	1.000
63	Môi trường bột cho nuôi cấy vi khuẩn kỵ khí Thioglycollate fluid medium	Bột khô đóng hộp sẵn để sản xuất Môi trường lỏng cho nuôi cấy vi khuẩn kỵ khí. Sản phẩm có chứa các chất khử (Sodium thioglycollate và L-Cystine) để loại bỏ phân tử oxy tự do và ngăn chặn sự tích tụ peroxide, giúp bảo vệ vi khuẩn kỵ khí nghiêm ngặt khỏi độc tính của oxy giúp vi khuẩn kỵ khí phát triển.	Gam	1.000
64	Môi trường bột skim milk giàu dinh dưỡng cho nuôi cấy lưu giữ chủng vi khuẩn	Bột khô đóng hộp sẵn để sản xuất Môi trường vi sinh giàu dinh dưỡng cho nuôi cấy định danh, lưu giữ chủng vi sinh vật.	Gam	4.000

STT	Tên hóa chất vật tư	Yêu cầu kỹ thuật (hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, kích thước, đặc tính, tiêu chuẩn)	Đơn vị tính	Số lượng
65	Bộ kit sinh hóa tiêu chuẩn dùng để định danh các loại vi khuẩn Gram âm không thuộc họ Enterobacteriaceae	Bộ kit định danh trực khuẩn ngoài đường ruột và vi khuẩn Gram âm để mọc qua xác định 20 tính chất sinh vật hóa học của vi khuẩn. Bộ kit gồm đủ các thành phần để thực hiện xét nghiệm. Sản phẩm tại tiêu chuẩn chất lượng IVD.	Test	50
66	Thuốc thử cho đọc kết quả tính chất của kit định danh vi khuẩn Gram âm không thuộc họ Enterobacteriaceae	Ống dung dịch chứa Tris-hydroxymethyl-aminomethane, Hydrochloric acid, Natri lauryl sulfate.	Hộp	4
67	Thuốc thử cho đọc kết quả tính chất của kit định danh vi khuẩn Gram âm không thuộc họ Enterobacteriaceae	Ống dung dịch chứa Methanol và Dimethylsulfoxide.	Hộp	4
68	Bộ thuốc thử để thử nghiệm phản ứng VP (Voges-Proskauer) của vi khuẩn dùng xác định tính chất sinh vật hóa học của vi khuẩn.	Ống dung dịch chứa Potassium hydroxide và 5D-naphthol.	Hộp	6
69	Kit định danh vi khuẩn kỵ khí qua xác định các tính chất sinh vật hóa học của vi khuẩn.	Bộ kit định danh vi khuẩn kỵ khí, gồm đủ các thành phần để thực hiện xét nghiệm. Sản phẩm tại tiêu chuẩn chất lượng IVD.	Test	50
70	Thanh định danh Campylobacter	Bộ kit định danh Campylobacter, gồm đủ các thành phần để thực hiện xét nghiệm. Sản phẩm tại tiêu chuẩn chất lượng IVD.	Test	12
71	Thanh định danh vi khuẩn Coryneform	Bộ kit định danh vi khuẩn Coryneform, gồm đủ các thành phần để thực hiện xét nghiệm. Sản phẩm tại tiêu chuẩn chất lượng IVD.	Test	12
72	Thanh định danh Neisseria, Haemophilus	Bộ kit định danh Neisseria, Haemophilus, gồm đủ các thành phần để thực hiện xét nghiệm. Sản phẩm tại tiêu chuẩn chất lượng IVD.	Test	10
73	Hóa chất cho các kit định danh thủ công, thuốc thử Bromcresol purple	Ống dung dịch chứa Bromcresol purple làm thuốc thử xác định vi sinh vật.	Ống	2
74	Hóa chất cho các kit định danh thủ công, thuốc thử Ehrlich	Ống dung dịch chứa Paradimethyl aminobenzaldehyde, HCl và Ethanol.	Ống	2
75	Kit ngưng kết định danh phát hiện nhanh Campylobacter	Thử nghiệm ngưng kết nhanh chóng để xác định trực tiếp vi khuẩn Campylobacter jejuni.	Test	100
76	Kit ngưng kết định danh phát hiện nhanh Clostridium difficile	Thử nghiệm ngưng kết nhanh chóng để xác định trực tiếp vi khuẩn Clostridium difficile	Test	100
77	Kit ngưng kết định danh phát hiện nhanh E.coli gây bệnh	Thử nghiệm ngưng kết nhanh chóng để xác định trực tiếp vi khuẩn E. coli O157	Test	100

STT	Tên hóa chất vật tư	Yêu cầu kỹ thuật (hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, kích thước, đặc tính, tiêu chuẩn)	Đơn vị tính	Số lượng
78	Kít ngưng kết định danh phát hiện nhanh Salmonella	Thử nghiệm ngưng kết nhanh chóng để xác định trực tiếp vi khuẩn Salmonella	Test	100
79	Kít ngưng kết định danh phát hiện nhanh Streptococcus nhóm A, B, C, D, F và G	Thử nghiệm ngưng kết nhanh chóng để xác định trực tiếp vi khuẩn Streptococcus tuýp A,B,C,D,F,G.	Test	100
80	Kít ngưng kết định danh phát hiện nhanh Streptococcus nhóm B	Thử nghiệm ngưng kết nhanh chóng để xác định trực tiếp vi khuẩn Streptococcus nhóm B.	Test	100
81	Hóa chất XYL (XYLENE)	Ổng dung dịch chứa xylene.	Ổng	2
82	Dầu soi kính hiển vi	Hóa chất tạo độ chiết quang khi soi kính hiển vi, màu trắng trong suốt, không tạp chất	ml	4.000
83	Thạch đĩa Chocolate đồ sẵn	Môi trường thạch đĩa Chocolate giàu dinh dưỡng đồ sẵn để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt Neisseria và Haemophilus. Thành phần bao gồm: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Sheep blood, MultiVitox, Agar.	Đĩa	100
84	Thạch máu Mueller Hinton đĩa đồ sẵn	Thạch đĩa Muller Hinton Agar với 5% Máu cừu đồ sẵn có đường kính 90mm được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm của kháng sinh khuếch tán đĩa của vi sinh vật khó mọc.	Đĩa	500
85	Thạch đĩa Chocolate đồ sẵn có bổ sung Hemoglobin và IsoVitaleX	Môi trường thạch đĩa đồ sẵn có bổ sung Hemoglobin và IsoVitaleX dùng để phân lập và nuôi cấy các loài vi khuẩn Neisseria.	Đĩa	100
86	Môi trường thạch ống đồ sẵn dùng cho cấy vi khuẩn lao	Môi trường thạch ống đồ sẵn dùng để nuôi cấy vi khuẩn lao.	Ổng	400
87	Test nhanh Galactomannan của nấm Aspergillus trong các mẫu huyết thanh và dịch rửa phế quản phế nang	Bộ kit xét nghiệm sắc ký miễn dịch để phát hiện định tính Aspergillus galactomannan LFA trong các mẫu huyết thanh và dịch rửa phế quản phế nang (BAL). Độ nhạy trên mẫu huyết thanh $\geq 97\%$. Độ đặc hiệu trên mẫu huyết thanh $\geq 96\%$	Test	200
88	Test nhanh phát hiện Aspergillus IgG-IgM	Bộ kit xét nghiệm sắc ký miễn dịch để phát hiện đồng thời cả kháng thể kháng Aspergillus lớp IgG và IgM trong huyết thanh người. Độ nhạy: 90.9%. Độ đặc hiệu: 96.3%	Test	80
89	Test nhanh phát hiện và xác định 5 loại enzyme carbapenemases (OXA-48, KPC, NDM, và VIM, IMP)	Bộ kit miễn dịch phát hiện và xác định carbapenemases (i) OXA-48, KPC, NDM và (ii) VIM và IMP từ khuẩn lạc vi khuẩn Enterobacteriaceae hoặc trực khuẩn gram âm không lên men phân lập trên đĩa thạch. Bộ kit cũng được xác nhận với mẫu gạc trực tràng và mẫu cấy máu. Độ nhạy $\geq 98\%$. Độ đặc hiệu $\geq 99\%$.	Test	400

STT	Tên hóa chất vật tư	Yêu cầu kỹ thuật (hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, kích thước, đặc tính, tiêu chuẩn)	Đơn vị tính	Số lượng
90	Test nhanh phát hiện carbapenemases OXA-23, OXA-40/58 và NDM	Bộ kit miễn dịch phát hiện NDM, OXA-23, OXA-40 và OXA-58 carbapenemase ở vi khuẩn <i>Acinetobacter</i> spp. Độ nhạy $\geq 99\%$. Độ đặc hiệu $\geq 98.5\%$.	Test	400
91	Test nhanh để phát hiện CTX-M-14 và CTX-M-15 β -lactamase trong nuôi cấy vi khuẩn	Bộ kit miễn dịch phát hiện các β -lactamase nhóm 1 (CTX-M-15-like), nhóm 8 (CTX-M-8 like) và nhóm 9 (CTX-M-14-like) từ khuẩn lạc vi khuẩn Enterobacteriaceae. Độ nhạy $\geq 98\%$. Độ đặc hiệu $\geq 99\%$.	Test	400
92	Bộ thuốc thử xử lý mẫu tăm bông quét trực tràng để phát hiện carbapenemases của vi khuẩn	Thuốc thử của bộ dụng cụ được thiết kế để nuôi cấy nhanh chóng vi khuẩn gram âm được thu thập bằng phương pháp swab trực tràng. Mục đích làm giàu C-PGNB bằng cách nuôi cấy chọn lọc nhanh chóng từ mẫu xét nghiệm trực tràng để thu được dịch chiết vi khuẩn trực tiếp phù hợp để phát hiện carbapenemases. Được sử dụng với tất cả các bộ xét nghiệm nhanh để phân tích carbapenemases OXA-48, KPC, NDM và VIM từ mẫu phết trực tràng	Test	400
93	Bộ thuốc thử xử lý mẫu máu nuôi cấy dương tính để phát hiện carbapenemases trên dịch chiết vi khuẩn	Thuốc thử trong bộ kit đã sẵn sàng để sử dụng và được dùng để chuẩn bị cho tiến trình nuôi cấy máu. Mục đích của bộ kit này là xử lý các mẫu cấy máu dương tính để cải thiện khả năng phát hiện carbapenemases trên dịch chiết vi khuẩn. Có thể sử dụng với tất cả các bộ xét nghiệm nhanh để phân tích carbapenemases OXA-48, KPC, NDM, VIM và IMP từ cấy máu lâm sàng dương tính	Test	400
94	Kit xét nghiệm định tính kháng nguyên Cryptococcal	Bộ kit xét nghiệm dùng để phát hiện định tính polysaccharide dạng nang của phức hợp loài <i>Cryptococcus</i> (<i>Cryptococcus neoformans</i> và <i>Cryptococcus gattii</i>) trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần (tính mạch và đầu ngón tay) và dịch tủy não (CSF). Độ nhạy, độ đặc hiệu trên mẫu huyết thanh và dịch não tủy: 100%.	Test	50
95	Kit xét nghiệm định tính phát hiện (1 $\rightarrow$ 3)- β -D-Glucan của Nấm trong huyết thanh	Bộ kit xét nghiệm miễn dịch phát hiện định tính (1 $\rightarrow$ 3)- β -D-glucan trong huyết thanh của bệnh nhân bị nhiễm trùng nấm xâm lấn. Bộ kit bao gồm đầy đủ các thành phần cho phản ứng miễn dịch hoàn chỉnh để phát hiện nấm.	Hộp/Bộ	10
96	Kit xét nghiệm Elisa phát hiện Sán máng Schistosoma	Bộ kit dùng để phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Sán máng (<i>Schistosoma</i>) trong mẫu huyết thanh người sử dụng kỹ thuật ELISA. Hộp tối thiểu 96 test.	Test	576
97	Kit xét nghiệm Elisa phát hiện Sán dài chó Echinococcus	Bộ kit dùng để phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Sán dài chó (<i>Echinococcus</i>) trong mẫu huyết thanh người sử dụng kỹ thuật ELISA. Hộp tối thiểu 96 test.	Test	768
98	Kit xét nghiệm Elisa phát hiện Sán dài heo Cysticercosis	Bộ kit dùng để phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Sán dài heo (<i>Cysticercosis</i>) trong mẫu huyết thanh người sử dụng kỹ thuật ELISA. Hộp tối thiểu 96 test.	Test	768
99	Kit xét nghiệm Elisa phát hiện Amip E.histolitica	Bộ kit dùng để phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Amip (<i>E.histolitica</i>) trong mẫu huyết thanh người sử dụng kỹ thuật ELISA. Hộp tối thiểu 96 test.	Test	576

STT	Tên hóa chất vật tư	Yêu cầu kỹ thuật (hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, kích thước, đặc tính, tiêu chuẩn)	Đơn vị tính	Số lượng
100	Kit xét nghiệm Elisa phát hiện Giun lươn ruột Strongyloides stercoralis	Bộ kit dùng để phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Giun lươn ruột (Strongyloides stercoralis) trong mẫu huyết thanh người sử dụng kỹ thuật ELISA. Hộp tối thiểu 96 test.	Test	576
101	Kit xét nghiệm Elisa phát hiện Giun xoắn Trichinella spiralis	Bộ kit dùng để phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Giun xoắn (Trichinella spiralis) trong mẫu huyết thanh người sử dụng kỹ thuật ELISA. Hộp tối thiểu 96 test.	Test	576
102	Kit xét nghiệm Elisa phát hiện Sán lá gan lớn Fasciola	Bộ kit dùng để phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Sán lá gan lớn (Fasciola) trong mẫu huyết thanh người sử dụng kỹ thuật ELISA. Hộp tối thiểu 96 test.	Test	960
103	Kit xét nghiệm Elisa phát hiện Giun đuă chó Toxocara	Bộ kit dùng để phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Giun đuă chó (Toxocara) trong mẫu huyết thanh người sử dụng kỹ thuật ELISA. Hộp tối thiểu 96 test.	Test	960
104	Kit xét nghiệm Elisa phát hiện Helicobacter pylori	Định tính và định lượng kháng thể IgG kháng Helicobacter pylori trong huyết thanh và huyết tương người bằng kỹ thuật ELISA. Hộp tối thiểu 96 test.	Test	192

TỔNG: 104 KHOẢN

[Handwritten signature]

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: ~~5230~~30/VĐ- ~~KĐ~~ ngày ~~06~~ tháng ~~09~~ năm 20~~19~~)

Hà Nội, ngày ____ tháng ____ năm 20...

BÁO GIÁ(1)

Kính gửi: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức

Trên cơ sở yêu cầu báo giá theo Công văn số..... ngày/.../20... của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế(2)	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất(3)	Mã HS(4)	Năm sản xuất(5)	Xuất xứ(6)	Số lượng/khối lượng(7)	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ) (Chưa bao gồm VAT)	Thuế VAT (%)	Đơn giá (VNĐ) (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền(11) (VNĐ) (Đã bao gồm VAT)
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										
n	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày...tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.
- Có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm sẵn sàng tham dự thầu và cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của bệnh viện.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp(12)

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu

để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và các dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VNĐ). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có).

Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, thành viên không có tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất phân công một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.